

Số: 729 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành mức học phí chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học
hình thức chính quy Học kỳ I năm học 2025-2026 của Trường Đại học Nha Trang**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-ĐHNT ngày 20/9/2022 của Hội đồng trường ban hành Quy chế Tài chính của Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

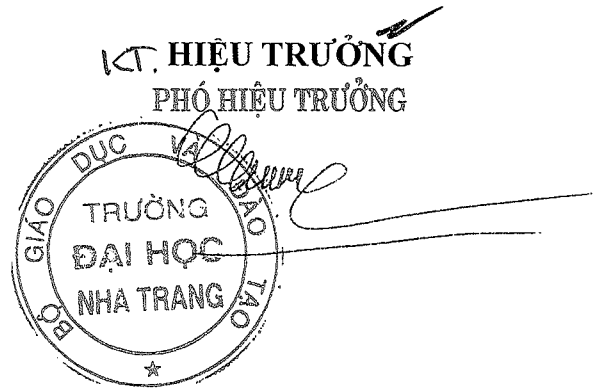
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mức học phí chương trình đào tạo trình độ đại học, sau đại học hình thức chính quy Học kỳ I năm học 2025-2026 của Trường Đại học Nha Trang (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ Học kỳ I năm học 2025-2026 đến khi có quy định mới. Bãi bỏ các quy định trước đây có nội dung trái với Quyết định này.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo Đại học, Đào tạo Sau đại học, Công tác Chính trị và Sinh viên, các tổ chức, cá nhân có liên quan và người học chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *P*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu: VT, KHTC.



Quách Hoài Nam



MỨC HỌC PHÍ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

(Kèm theo Quyết định số 729 /QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

TT	Trình độ và hình thức đào tạo	Mức học phí
I	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	
1	Đại học * Học phần giáo dục tổng quát * Học phần cơ sở và chuyên ngành	345.000 đ/TC 500.000 đ/TC
2	Thạc sĩ	785.000 đ/TC
3	Tiến sĩ Ngành Tiến sĩ Kinh tế và quản lý tài nguyên biển (thuộc dự án Noherd)	39.500.000 đ/năm 24.500.000 đ/năm
II	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên	
1	Thạc sĩ	850.000 đ/TC
2	Tiến sĩ	42.600.000 đ/năm
III	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản	
1	Đại học * Học phần giáo dục tổng quát * Học phần cơ sở và chuyên ngành	345.000 đ/TC 570.000 đ/TC
2	Thạc sĩ	915.000 đ/TC
3	Tiến sĩ	46.000.000 đ/năm
IV	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	
1	Đại học * Học phần giáo dục tổng quát * Học phần cơ sở và chuyên ngành Ngành Ngôn ngữ Anh Các ngành còn lại	345.000 đ/TC 460.000 đ/TC 505.000 đ/TC
2	Thạc sĩ	785.000 đ/TC
3	Tiến sĩ	39.500.000 đ/năm
V	Các chương trình đào tạo đạt kiểm định chất lượng Đại học hình thức chính quy	
V.1	Học phần giáo dục tổng quát	345.000 đ/TC
V.2	Học phần cơ sở và chuyên ngành	
V.2.1 (Áp dụng từ	1. Công nghệ chế biến thủy sản 2. Kỹ thuật tàu thủy	620.000 đ/TC

TT	Trình độ và hình thức đào tạo	Mức học phí
khóa 63 trở về sau)	3. Nuôi trồng thủy sản	
	4. Công nghệ sinh học	600.000 đ/TC
V.2.2 (Áp dụng từ khóa 65 trở về sau)	1. Quản trị kinh doanh 2. Kế toán (không bao gồm CTĐT Kiểm toán) 3. Quản trị khách sạn	550.000 đ/TC
	4. Công nghệ thông tin	620.000 đ/TC
V.2.3 (Áp dụng từ khóa 66 trở về sau)	1. Kỹ thuật cơ khí 2. Kỹ thuật ô tô 3. Kỹ thuật xây dựng 4. Công nghệ thực phẩm 5. Quản lý thủy sản	620.000 đ/TC
	6. Kinh doanh thương mại 7. Tài chính - Ngân hàng 8. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	550.000 đ/TC
	9. Ngôn ngữ Anh	510.000 đ/TC
V.2.4 (Áp dụng từ khóa 67 trở về sau)	1. Kỹ thuật nhiệt 2. Kỹ thuật cơ điện tử 3. Kỹ thuật điện	620.000 đ/TC
	4. Marketing 5. Hệ thống thông tin quản lý 6. Luật 7. Kinh tế phát triển 8. Khoa học hàng hải	550.000 đ/TC

Ghi chú:

- TC là Tín chỉ; đ/TC là đồng/Tín chỉ
- Học phí trình độ Tiến sĩ thu theo số năm thiết kế chương trình đào tạo:
- Thu 3 năm đối với NCS có trình độ đầu vào là Thạc sĩ
- Thu 4 năm đối với NCS có trình độ đầu vào là Đại học
- Thu 4 năm đối với Tiến sĩ ngành Kinh tế và quản lý tài nguyên biển

**DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

(Kèm theo Quyết định số ~~723~~ 723/QĐ-ĐHNT ngày 28 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

TT	Tên ngành đào tạo
I	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật
1	Kinh doanh thương mại
2	Marketing
3	Quản trị kinh doanh
4	Kế toán
5	Kiểm toán
6	Tài chính - Ngân hàng
7	Hệ thống thông tin quản lý
8	Luật
II	Khối ngành IV: Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên
1	Công nghệ sinh học
III	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản
1	Công nghệ thông tin
2	Kỹ thuật cơ khí
3	Công nghệ chế tạo máy
4	Kỹ thuật cơ điện tử
5	Kỹ thuật nhiệt
6	Kỹ thuật hóa học
7	Kỹ thuật ô tô
8	Kỹ thuật cơ khí động lực
9	Kỹ thuật tàu thủy
10	Kỹ thuật biển
11	Kỹ thuật điện
12	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
13	Kỹ thuật môi trường
14	Công nghệ thực phẩm
15	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
16	Công nghệ chế biến thủy sản
17	Kỹ thuật xây dựng

18	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
19	Nuôi trồng thủy sản
20	Khai thác thủy sản
21	Quản lý thủy sản
22	Khoa học thủy sản
23	Khoa học máy tính
IV	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường
1	Quản trị khách sạn
2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (chương trình song ngữ Pháp - Việt)
4	Ngôn ngữ Anh
5	Khoa học hàng hải
6	Kinh tế
7	Kinh tế phát triển
8	Quản lý kinh tế
9	Kinh tế và quản lý tài nguyên biển